ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7850 /QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản để phục vụ cho các dự án đầu tư công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 7195/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 305/QLDA ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng phường Bà Rịa về việc giới thiệu đơn vị khảo sát, đánh giá trữ lượng khoáng sản phục vụ thi công các dự án đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 7421/BQLDAGT-DA12 ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông về việc giới thiệu đơn vị khảo sát, đánh giá trữ lượng khoáng sản phục vụ thi công các dự án đầu tư công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 40317/TTr-SNNMT-TNNKS ngày 13 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực tại xã Đất Đỏ, Thành phố Hồ Chí Minh để cung cấp vật liệu cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 Luật Địa

chất và khoáng sản, đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15, cụ thể như sau:

- Diện tích khoanh định: 3,56 ha.

- Vị trí, diện tích, tọa độ các điểm khép góc khu vực không đấu giá được thể hiện tại Bản đồ khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỷ lệ 1:5.000 kèm theo.

- Tiêu chí khoanh định: khoản 5 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP.

- Mục đích khoanh định: cung cấp vật liệu cho các dự án đầu tư công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo) và các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản, đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Thuế Thành phố, Ủy ban nhân dân xã Đất Đỏ và các đơn vị có liên quan căn cứ các quy định của pháp luật liên quan, có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước thủ tục theo đúng trình tự thủ tục và quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Công Thương, Trưởng Thuế Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đất Đỏ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Các Bộ: NNMT, CT;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Bộ Tham mưu Quân khu 7;
- Bộ Tư lệnh Thành phố;
- Công an Thành phố;
- BQLDA ĐTXD các CTGT;
- BQLDA ĐTXD phường Bà Rịa;
- TT Thông tin điện tử Thành phố;
- Phòng Đô thị;
- Lưu: VT, (ĐT-PVH).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nguyên Dinh

PHỤ LỤC
KHU VỰC KHOANH ĐỊNH KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐỂ PHỤC VỤ CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số 7850 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Loại khoáng sản	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tiêu chí khoanh định	Mục đích khoanh định
1	Chưa khảo sát, đánh giá (dự kiến khoáng sản nhóm IV)	Thửa đất số 190, tờ bản đồ số 295 và thửa đất số 266, 262, tờ bản đồ số 294, tại xã Đất Đỏ, Thành phố Hồ Chí Minh	3,56	Theo khoản 5 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản, đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP	Phục vụ các công trình, dự án: Gói thầu Xây lắp (Gói số 01) thuộc dự án Kè hai bờ sông Dinh, đoạn từ cầu Điện Biên Phủ đến cầu Nhà máy nước; Gói thầu số 34: Xây lắp đoạn từ Km0+000 đến Km6+000 thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 994 đoạn từ ngã ba Long Phù đến cầu Sông Ray, đoạn nhánh kết nối với đường Tỉnh lộ 44B và các cầu trên tuyến.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phụ lục II

BẢN ĐỒ ĐỀ NGHỊ KHOANH ĐỊNH KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

MỎ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI THỬA ĐẤT SỐ 190 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 295
VÀ CÁC THỬA ĐẤT SỐ 266, 262 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 294 (35 CŨ) THUỘC XÃ ĐẤT ĐỎ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tọa độ các điểm khép góc

Khu 1 - Thửa đất số 190

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (KKT 107,75 độ, múi 3 độ)	
	X (m)	Y (m)
1	1.161.756,362	456.952,636
2	1.161.756,165	456.958,238
3	1.161.755,239	456.962,598
4	1.161.751,511	456.970,864
5	1.161.747,511	456.979,343
6	1.161.745,679	456.985,292
7	1.161.744,724	456.991,072
8	1.161.744,886	456.998,237
9	1.161.745,722	457.007,807
10	1.161.747,985	457.019,160
11	1.161.750,666	457.031,068
12	1.161.752,433	457.040,688
13	1.161.752,908	457.046,604
14	1.161.752,483	457.054,499
15	1.161.751,015	457.060,420
16	1.161.747,780	457.068,791
17	1.161.725,160	457.067,610
18	1.161.665,040	457.066,640
19	1.161.628,650	457.054,540
20	1.161.619,190	457.040,580
21	1.161.617,040	457.022,600
22	1.161.619,580	457.010,080
23	1.161.624,810	456.986,820
24	1.161.629,190	456.952,170
25	1.161.632,000	456.938,280
26	1.161.680,410	456.934,680

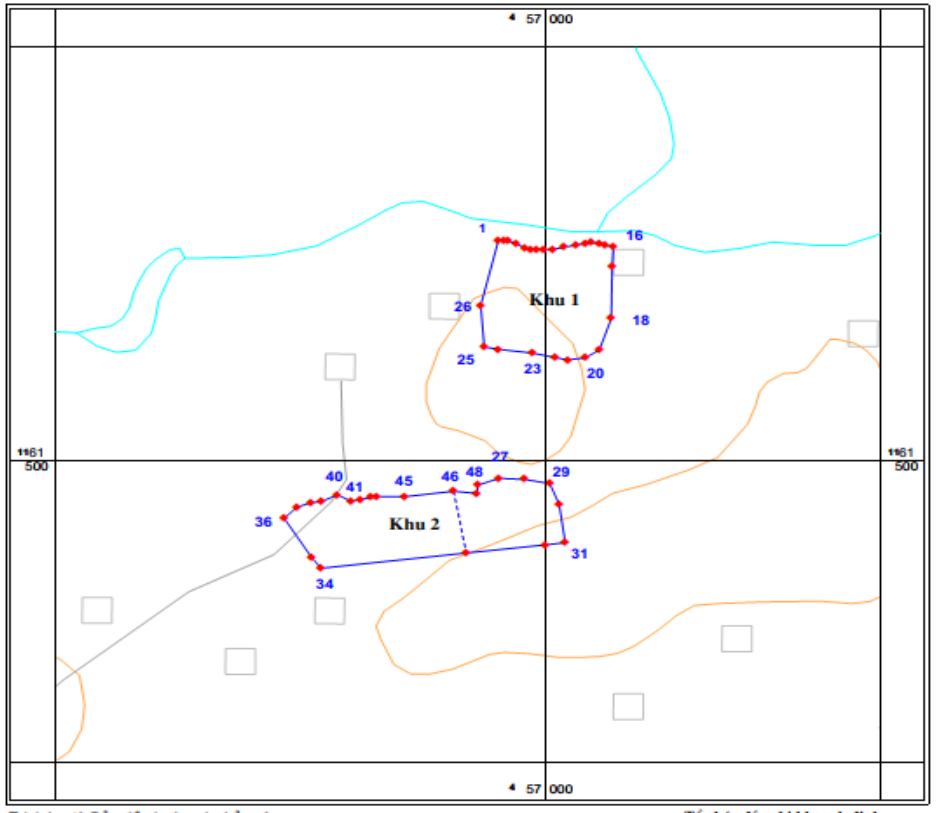
Diện tích: 15.727,9 m2

Khu 2 - Thửa đất số 266, 262

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (KKT 107,75 độ, múi 3 độ)	
	X (m)	Y (m)
27	1.161.478,900	456.953,240
28	1.161.477,680	456.978,690
29	1.161.472,830	457.004,400
30	1.161.448,730	457.013,960
31	1.161.403,990	457.020,120
32	1.161.401,565	457.000,000
33	1.161.391,926	456.920,033
34	1.161.374,229	456.773,215
35	1.161.387,140	456.763,380
36	1.161.432,350	456.735,960
37	1.161.445,400	456.748,500
38	1.161.450,570	456.762,730
39	1.161.451,980	456.773,680
40	1.161.459,650	456.789,630
41	1.161.452,250	456.803,480
42	1.161.454,330	456.813,100
43	1.161.456,760	456.823,760
44	1.161.457,490	456.829,770
45	1.161.457,600	456.857,690
46	1.161.463,900	456.907,340
47	1.161.461,490	456.930,730
48	1.161.471,100	456.931,770

Diện tích: 19.896,0 m2

Tổng diện tích: 35.623,9 m2 (3,56 ha)



CHỈ DẪN

- Ranh giới khu vực khảo sát và số hiệu điểm góc
- Đường bình độ
- Đường giao thông
- Sông suối
- Lưới tạo độ VN2000, kinh tuyến trục 107,75 độ, múi 3 độ

Trích lục từ Bản đồ phương án bảo vệ, khai thác tài nguyên khoáng sản (Thực hiện theo Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050), tỷ lệ 1:50.000, kinh tuyến trục 107,75 độ, múi chiếu 3 độ

TỶ LỆ 1:5.000

1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực tế

50 0m 50 100 150 200

Tổ chức đề nghị khoanh định

CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG THẮNG HẢI